TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BC** **THÀNH PHỐ THÀNH CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29-11 -2018
V/v trA chấp "*Ly hôn"*.

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Phước Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy OA.

2. Bà Trần Thị Đúng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thọ -Thư ký Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa*: *Không.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BC, Thành Phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1306/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 492/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Kim C; sinh năm 1982; Hộ khẩu thường trú tại T3, xã S, huyện S, tỉnh Q. Hiện tạm trú tại G7/ 51, ấp B, xã LM, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà C có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn A ; sinh năm 1966; Hộ khẩu thường trú tại T2, xã B, huyện TB, tỉnh Q. Hiện tạm trú tại G7/ 51, ấp B, xã LM, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông A có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Trần Thị Kim C trình bày tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 04 năm 2018, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ như sau* : Bà và ông Phan Văn A C sống như vợ chồng với nhau từ năm 2004, nhưng không đăng ký kết hôn, do cha mẹ bà không chấp nhận việc bà lấy ông A, trong quá trình C sống bà và ông A có 03 con C gồm : 1/ Phan Trần Như Q, sinh năm 2005; 2/ Phan Trần Văn Qu, sinh năm 2008; 3/

Phan Trần Văn Qo, sinh năm 2012, hiện các con đang sống cùng gia đình, trong quá trình C sống thời gian đầu bà và ông A sống cũng rất hạnh phúc, tuy nhiên đến từ năm 2006 thì phát sinh nhiều mâu thuẩn do tính tình và quan điểm sống không phù hợp mặc dù bà đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẩn ngày càng trầm trọng hơn, dẫn đến phải bà và ông A phải ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay bà khởi kiện yêu cầu Toà án xét xử cho bà được ly hôn ông A để ổn định cuộc sống riêng của mỗi người.

Về con C: Có 03 con C là trẻ 1/ Phan Trần Như Q, sinh ngày 10/05/2005; 2/ Phan Trần Văn Qu, sinh ngày 03/08/2008; 3/ Phan Trần Văn Qo, sinh ngày 01/4/2012. Nay ly hôn và bà và ông cũng đã thỏa thuận giao cả 03 con cho ông A trực tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản C: Bà không yêu cầu giải quyết.

Về nợ C: Bà xác định không có nợ ai và không cho ai vay nợ.

- *Bị đơn ông Phan Văn A trình bày tại bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải như sau :* Vào năm 2004, Ông và bà Trần Thị Kim C tự nguyện sống với nhau và có 03 con C, nhưng không đăng ký kết hôn là đúng sự thật. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẩn do vợ chồng không hợp nhau về tính tình và quan điểm sống mặc dù cả hai cũng đã cố gắng hòa giải nhưng mâu thuẩn ngày càng trầm trọng hơn, hiện vợ chồng đã ly thân do đó ông đồng ý ly hôn.

Về con C: Có 03 con C gồm: 1/ Phan Trần Như Q, sinh ngày 10/05/2005; 2/ Phan Trần Văn Qu, sinh ngày 03/08/2008; 3/ Phan Trần Văn Qo, sinh ngày 01/4/2012. Nay ly hôn ông đồng ý nuôi cả 03 con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông thống nhất không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản C: Ông thống nhất không yêu cầu giải quyết;

Về nợ C: Ông xác nhận không có nợ ai và không cho ai vay nợ

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà Trần Thị Kim C vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, cũng như các vấn đề khác về con C, cấp dưỡng, tài sản C,nợ C và đề nghi Tòa án xử theo quy định pháp luật.

- Bị đơn ông Phan Văn A vẫn giữ nguyên những nội dung đã trình bày là đồng ý ly hôn cũng như các vấn đề khác về con C, cấp dưỡng, tài sản C, nợ C và đề nghi Tòa án xử theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết:

- Xét thấy, bị đơn ông Phan Văn A hiện đang cư trú tại địa chỉ G7/ 51, ấp B, xã LM, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28,

điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

- Xét thấy, bà Trần Thị Kim C khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn A, theo các đương sự trình bày và xác nhận bà C ông A C sống từ năm 2004, có 03 con C gồm 1/ Phan Trần Như Q, sinh năm 2005; 2/ Phan Trần Văn Qu, sinh năm 2008; 3/ Phan Trần Văn Qo, sinh năm 2012 nhưng không đăng ký kết hôn,như vậy vẫn phải áp dụng Luật hôn nhân gia đình nằm 2000; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Qo hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam cùng các quy định của pháp luật hiện hành là Luật hôn nhân gia đình nằm 2014 làm căn cứ giải quyết vụ án án.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

[**3.1].** Xét yêu cầu của bà Trần Thị Kim C về việc yêu cầu được ly hôn ông Phan Văn A là có cơ sở chấp nhận, bỡi lẽ:

- Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và phần trình bày của bà C và ông A tại bản tự khai, biên bản phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận công khai chứng cứ, các biên bản hòa giải, và tại phiên tòa hôm nay thì bà Trần Thị Kim C và ông Phan Văn A C sống với nhau từ năm 2004, có 03 con C nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Như vậy, xét việc C sống mà không đăng ký kết hôn là hôn nhân không hợp pháp, nên căn cứ theo điểm c khỏan 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Qo hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam quy định " Kể từ ngày 01/01/2001 trở đi nam, nữ C sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng ; nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.”**.** Căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định tại Điều 11 như sau " Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà C sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng "; Mặc khác,căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực từ ngày 01/01/2015 quy định " Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này C sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.". Do đó,yêu cầu ly hôn của bà C đã đủ có cơ sở để Hội đồng xét xử là tuyên xử " Không công nhận bà Trần Thi Kim C và ông Phan Văn A là vợ chồng " theo các quy định của pháp luật.

- Về con C có 03 con C là trẻ : 1/ Phan Trần Như Q, sinh ngày 10/05/2005; 2/ Phan Trần Văn Qu, sinh ngày 03/08/2008; 3/ Phan Trần Văn Qo, sinh ngày 01/4/2012. Xét việc thỏa thuận về nuôi con của bà C ông A là thống nhất giao cả 03 con C cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng là sự thỏa thuận tự nguyện, việc này cũng phù hợp nguyện vọng của 03 trẻ nên việc thoả thuận này là phù hợp do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên không yêu cầu nên không xét.

- Xét về tài sản C: Hai bên không yêu cầu nên không xét.

- Về nợ C: Hai bên xác định không có nợ ai và không cho ai vay nợ.

[4]. - Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Qo Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Án phí ly hôn sơ thẩm bà Trần Thị Kim C phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà bà C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006113,ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện nguyên đơn cùng các thỏa thuận trên là có cơ sở nên chấp nhận.

***Vì các lẽ trên*;**

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 70, Điều 72 Điều 147, Điều 254, Điều 269 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ 9,11,85,87,89,91,92,93,94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Căn cứ vào các Điều 5,8,9,14,51,53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Qo hội khóa X ngày 09/6/2000.

- Căn cứ vào Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Qo Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Điều 26 luật thi hành án dân sự.

- **Tuyên xử :** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân : Không công nhận bà Trần Thị Kim C và ông Phan Văn A là vợ chồng;

2. Về con C: Có 03 con C tên gồm 1/ Phan Trần Như Q, sinh ngày 10/05/2005; 2/ Phan Trần Văn Qu, sinh ngày 03/08/2008; 3/ Phan Trần Văn Qo, sinh ngày 01/4/2012.

- Giao cả 03 con C là các trẻ 1/ Phan Trần Như Q, sinh ngày 10/05/2005; 2/ Phan Trần Văn Qu, sinh ngày 03/08/2008; 3/ Phan Trần Văn Qo, sinh ngày 01/4/2012 cho ông Phan Văn A trực tiếp nuôi dưỡng.

- Ông Phan Văn A có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi bà Trần Thị Kim C đến thăm nom chăm sóc con C. Vì lợi ích của con khi cần thiết đôi bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên không yêu cầu nên không xét.

- Về tài sản C: Hai bên không yêu cầu nên không xét.

- Về nợ C: Hai bên xác định không có nợ ai và không cho ai vay nợ.

3. Các bên thi hành án tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm bà Trần Thị Kim C phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà bà C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006113, ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6.Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Kim C và ông Phan Văn A có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi Nhận*:**
- TAND.TP Hồ Chí Minh;
- VKSND H. BC;
- CCTHA DS H. BC;
- UBND địa phương nơi cư trú của các đương sự;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

Lại Phước Trường